Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 8443.99.10

Mã HS	8443.99.10
Mô tả hàng hóa	Máy in sử dụng các bộ phận in như khuôn in (bát chữ), ống in và các bộ phận in khác của nhóm 84.42; máy in khác, máy copy (copying machines) và máy fax, có hoặc không kết hợp với nhau; bộ phận và các phụ kiện của chúng / - Bộ phận và phụ kiện: / - - Loại khác: / - - - Của máy in kiểu lưới dùng để sản xuất tấm mạch in hoặc tấm dây in
Đơn vị	chiếc
Thời điểm tạo	12/11/2026 03:22:20
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/84439910/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K13925
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N13925
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q13925
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái

AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0(-KH)	0% (trừ KH)	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E13240
ATIGA	2022	2022	0	AT!E13181
ATIGA	2023	2023	0	AT!F13181
ATIGA	2024	2024	0	AT!G13181
ATIGA	2025	2025	0	AT!H13181
ATIGA	2026	2026	0	AT!I13181
ATIGA	2027	2027	0	AT!J13181
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E13235
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F13235
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G13235
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H13235

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I13235
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J13235
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E13236
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F13236
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G13236
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H13236
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I13236
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J13236
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F13239
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H13187
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F13195
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G13195
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H13195
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I13195
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J13195
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K13195
VKFTA	2022	2022	0	VK!E13226
VKFTA	2023	2023	0	VK!F13226
VKFTA	2024	2024	0	VK!G13226
VKFTA	2025	2025	0	VK!H13226
VKFTA	2026	2026	0	VK!I13226
VKFTA	2027	2027	0	VK!J13226
VCFTA	2022	2022	0	VC!D13275
VCFTA	2023	2023	0	VC!E13275
VCFTA	2024	2024	0	VC!F13275
VCFTA	2025	2025	0	VC!G13275

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2026	2026	0	VC!H13275
VCFTA	2027	2027	0	VC!I13275
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D13258
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E13258
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F13258
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G13258
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H13258
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I13258
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D13258
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E13258
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F13258
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G13258
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H13258
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I13258
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D13273
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E13273
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F13273
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G13273
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H13273
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I13273
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D13272
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E13272
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F13272
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G13272
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H13272
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I13272

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D13252
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E13252
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F13252
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G13252
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H13252
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I13252
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J13252
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D13260
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E13260
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F13260
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G13260
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H13260
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I13260
RCEP B	2022	2022	0	B!D13260
RCEP B	2023	2023	0	B!E13260
RCEP B	2024	2024	0	B!F13260
RCEP B	2025	2025	0	B!G13260
RCEP B	2026	2026	0	B!H13260
RCEP B	2027	2027	0	B!I13260
RCEP C	2022	2022	0	C!D13260
RCEP C	2023	2023	0	C!E13260
RCEP C	2024	2024	0	C!F13260
RCEP C	2025	2025	0	C!G13260
RCEP C	2026	2026	0	C!H13260
RCEP C	2027	2027	0	C!I13260
RCEP D	2022	2022	0	D!D13259

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2023	2023	0	D!E13259
RCEP D	2024	2024	0	D!F13259
RCEP D	2025	2025	0	D!G13259
RCEP D	2026	2026	0	D!H13259
RCEP D	2027	2027	0	D!I13259
RCEP E	2022	2022	0	E!D13263
RCEP E	2023	2023	0	E!E13263
RCEP E	2024	2024	0	E!F13263
RCEP E	2025	2025	0	E!G13263
RCEP E	2026	2026	0	E!H13263
RCEP E	2027	2027	0	E!I13263
RCEP F	2022	2022	0	F!D13260
RCEP F	2023	2023	0	F!E13260
RCEP F	2024	2024	0	F!F13260
RCEP F	2025	2025	0	F!G13260
RCEP F	2026	2026	0	F!H13260
RCEP F	2027	2027	0	F!I13260
VIFTA	2024	2024	0	VI!F12303
VIFTA	2025	2025	0	VI!G12303
VIFTA	2026	2026	0	VI!H12303
VIFTA	2027	2027	0	VI!I12303

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 8443.99 có 4 dòng thuế; dòng 8443.99.10 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Của máy in kiểu lưới dùng để sản xuất tấm mạch in hoặc tấm dây in.	8443.99.20 Hộp mực in đã có mực in; 8443.99.30 Bộ phận cung cấp giấy; bộ phận sắp xếp giấy; 8443.99.90 Loại khác	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 8443.99.10. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 8443.99.10 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N13925), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.